HIỆP ĐỊNH
GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ VƯƠNG QUỐC HÀ LAN
VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẪN NHAU

Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Hà lan dưới đây gọi là các Bên ký kết ;

Với mong muốn thúc đẩy quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước, mở rộng và tăng cường quan hệ kinh tế giữa hai nước, đặc biệt đối với những đầu tư của các công dân của một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia;

Nhận thấy rằng Hiệp định về đối xử một cách công bằng và thoả đáng đối với những đầu tư như vậy sẽ khuyến khích nguồn vốn, công nghệ và sự phát triển kinh tế của các Bên ký kết ;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

Với mục đích của Hiệp định này:

a) Thuật ngữ "đầu tư" bao gồm mọi loại tài sản, đặc biệt nhưng không chỉ là:

(i) Sở hữu động sản và bất động sản cũng như các quyền sở hữu khác đối với mọi loại tài sản;

(ii) Các quyền phát sinh từ cổ phần, trái phiếu và các lợi ích khác của công ty và liên doanh ;

(iii) Chứng quyền về tiền, về tài sản khác hoặc về bất kỳ hoạt động nào có giá trị kinh tế;

(iv) Các quyền trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, qui trình kỹ thuật, đặc quyền kế nghiệp và bí quyết công nghệ;

(v) Những quyền được pháp luật đảm bảo gồm các quyền thăm dò, khai thác, chiết xuất, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên.

(b) Thuật ngữ " công dân" tuỳ theo mỗi Bên ký kết :

(i) Các thể nhân có quốc tịch của Bên ký kết đó;

(ii) Các pháp nhân được thành lập theo luật của Bên ký kết;

(iii) Các pháp nhân không được thành lập theo luật pháp của Bên ký kết, nhưng chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi thể nhân qui định tại mục (i), hoặc bởi pháp nhân qui định tại mục (ii) nêu trên.

c) Thuật ngữ " lãnh thổ " bao gồm cả các vùng biển nối liền từ bờ biển của quốc gia có liên quan cho tới nơi mà quốc gia đó thực hiện các quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán của mình theo luật pháp quốc tế.

ĐIỀU 2

Mỗi Bên ký kết trong phạm vi pháp luật và qui định của mình sẽ thúc đẩy sự hợp tác kinh tế bằng việc bảo hộ trên lãnh thổ nước mình những đầu tư của các công dân của Bên ký kết kia. Mỗi Bên ký kết sẽ chấp nhận những đầu tư đó, phù hợp với quyền thực hiện quyền lực theo luật pháp và qui định của mình.

ĐIỀU 3

(1) Mỗi Bên ký kết sẽ bảo đảm đối xử công bằng và thoả đáng đối với đầu tư của các công dân Bên ký kết kia và sẽ không áp dụng các biện pháp vô căn cứ hoặc phân biệt đối xử làm phương hại đến sự hoạt động, quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc thanh lý những đầu tư của các công dân đó.

(2) Đặc biệt, mỗi Bên ký kết sẽ dành sự an toàn và bảo hộ vật chất đầy đủ cho những đầu tư đó và trong bất kỳ trường hợp nào không kém thuận lợi hơn so với đầu tư của công dân nước mình hoặc của công dân của nước thứ ba ; sự đối xử nào thuận lợi hơn cho công dân có liên quan sẽ được áp dụng.

(3) Nếu một Bên ký kết dành những ưu đãi đặc biệt cho công dân của bất kỳ nước nào trên cơ sở các hiệp định về thành lập liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ hoặc các tổ chức tương tự, hoặc trên cơ sở những thoả thuận tạm thời thành lập các liên minh tổ chức như vậy, thì Bên ký kết đó sẽ không buộc phải dành những ưu đãi đó cho công dân của Bên ký kết kia.

(4) Mỗi Bên ký kết phải chấp hành mọi nghĩa vụ phát sinh liên quan tới những đầu tư của công dân Bên ký kết kia.

(5) Nếu các điều khoản pháp luật của một trong hai Bên ký kết hoặc những nghĩa vụ theo Luật quốc tế hiện hành hoặc được qui định sau này giữa các Bên ký kết về việc bổ sung Hiệp định này một qui định, dù là chung hoặc cụ thể, nhằm tạo cho những đầu tư của công dân Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn so với sự đối xử qui định trong Bản Hiệp định này, thì qui định đó sẽ được áp dụng tới chừng mực mà nó thuận lợi hơn thay cho bản Hiệp định này

ĐIỀU 4

Về các loại thuế và miễn giảm thuế, mỗi Bên ký kết căn cứ vào luật pháp và qui định về thuế của mình sẽ dành cho công dân của Bên ký kết kia tham gia bất kỳ hoạt động kinh tế nào trên lãnh thổ của mình, sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho công dân của mình hoặc công dân của bất kỳ nước thứ ba nào, trong cùng hoàn cảnh . Tuy nhiên, nhằm mục đích này, bên đó sẽ không xem xét những ưu đãi tài chính mà bên đó dành cho :

a) Theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; hoặc

b) Do tham gia vào một liên minh thuế quan, liên minh kinh tế hoặc một tổ chức tương tự; hoặc

c) Trên cơ sở có đi có lại với một quốc gia thứ ba .

ĐIỀU 5

Các Bên ký kết sẽ bảo đảm cho mọi khoản tiền trả có liên quan đến đầu tư có thể được chuyển ra nước ngoài. Sự chuyển tiền này được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi mà không bị hạn chế hay chậm trễ. Việc chuyển tiền này đặc biệt tuy không phải chỉ riêng :

a) Lợi nhuận, tiền lãi, lãi cổ phần và các thu nhập khác.

b) Tiền dùng để :

(i) mua các nguyên liệu chính và phụ, các thành phẩm hoặc bán thành phẩm ;hoặc

(ii) thay thế các tài sản chính nhằm bảo đảm tính liên tục của đầu tư.

c) Tiền bổ sung để phát triển đầu tư.

d) Tiền để trả nợ.

e) Tiền bản quyền hay lệ phí.

f) Thu nhập của các thể nhân.

g) Tiền bán hay thanh lý đầu tư.

ĐIỀU 6

Không một Bên ký kết nào được thực hiện bất kỳ biện pháp nào để tước đoạt trực tiếp hoặc gián tiếp những đầu tư của các công dân của Bên ký kết kia, trừ khi được thực hiện với những điều kiện sau:

a) Các biện pháp được thực hiện vì lợi ích công cộng và theo thủ tục của Luật:

b) Các biện pháp không có sự phân biệt đối xử hoặc trái với bất cứ cam kết nào mà Bên ký kết cam kết như những biện pháp có thể thực hiện;

c) Các biện pháp áp dụng phải được bồi thường công bằng. Việc bồi thường đó sẽ theo đúng giá trị thực tế của những đầu tư, bao gồm lãi với lãi suất thương mại thông thường cho đến

ngày chi trả. Để có hiệu quả cho người đòi bồi thường, khoản bồi thường sẽ được trả và chuyển không chậm trễ sang nước mà người đó xác định, và bằng đồng tiền của nước mà người đó là công dân hoặc bằng bất kỳ đồng tiền tự do chuyển đổi nào mà người đó chấp thuận.

ĐIỀU 7

Công dân của một Bên ký kết bị tổn thất trong việc đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do chiến tranh hoặc các xung đột vũ trang , cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo loạn, nổi dậy, bạo động sẽ được Bên ký kết kia đối xử trong trường hợp phục hồi, bồi thường, đền bù hoặc các trường hợp giải quyết khác, không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử mà Bên ký kết đó đã dành cho công dân nước mình hoặc công dân nước thứ ba; sự đối xử nào thuận lợi hơn cho công dân có liên quan sẽ được áp dụng .

ĐIỀU 8

Nếu đầu tư của công dân của một Bên ký kết được bảo hiểm về rủi ro phi thương mại theo pháp luật thì bất kỳ sự thế quyền nào của người bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với các quyền của công dân đó trong phạm vi bảo hiểm như vậy sẽ được Bên ký kết kia công nhận.

ĐIỀU 9

1. Tranh chấp giữa một Bên ký kết với công dân của Bên ký kết kia liên quan tới đầu tư của công dân của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của Bên ký kết đó, thì nếu có thể sẽ được giải quyết bằng hoà giải.

2. Nếu vụ tranh chấp đó không được giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều này,trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày một bên tranh chấp đề nghị giải quyết bằng hoà giải ,thì theo yêu cầu của công dân liên quan , vụ tranh chấp sẽ được đưa ra toà án trọng tài Adhoc được thành lập theo thoả thuận đặc biệt hoặc theo Qui tắc Trọng tài của Uỷ ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế .

3. Trong trường hợp các Bên ký kết tham gia Công ước giải quyết các tranh chấp về đầu tư giữa Nhà nước với công dân của Nhà nước kia ký ngày 18/3/1965 tại Washington, thì những tranh chấp nêu tại khoản 1 Điều này ,theo yêu cầu của công dân có liên quan sẽ được đưa ra Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư để giải quyết bằng hoà giải hay trọng tài theo Công ước đó .

4. Mỗi Bên ký kết đồng ý vô điều kiện đưa vụ tranh chấp ra trọng tài quốc tế phù hợp với qui đinh tại Điều này .

ĐIỀU 10

Các điều khoản của Hiệp định này sẽ áp dụng từ ngày Hiệp định này có hiệu lực và đồng thời cho cả những đầu tư được thực hiện sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

ĐIỀU 11

Một trong các Bên ký kết có thể yêu cầu Bên ký kết kia trao đổi về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này. Bên ký kết kia sẽ xem xét một cách thiện chí đề nghị đó và sẽ tạo điều kiện thích hợp cho sự trao đổi như vậy.

ĐIỀU 12

1) Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên ký kết có liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, mà không thể giải quyết được trong một thời gian hợp lý bằng biện pháp đàm phán ngoại giao, trừ khi các Bên ký kết có sự thoả thuận khác thì theo yêu cầu của một Bên ký kết, vụ tranh chấp được đưa ra Toà án trọng tài gồm có 3 thành viên. Mỗi Bên sẽ chỉ định một trọng tài và hai trọng tài này sẽ chỉ định một trọng tài thứ ba không phải công dân của một trong hai Bên ký kết làm chủ tịch.

2) Nếu một trong các Bên ký kết không chỉ định được trọng tài của mình và không tiến hành việc chỉ định trọng tài trong vòng 2 tháng kể từ khi có yêu cầu của Bên ký kết kia về việc chỉ định trọng tài như vậy, thì Bên ký kết kia có thể mời Chủ tịch của Toà án quốc tế chỉ định trọng tài .

3) Nếu hai trọng tài không thể thoả thuận được việc chỉ định trọng tài thứ ba trong vòng 2 tháng kể từ ngày được chỉ định, thì một trong hai Bên sẽ mời Chủ tịch Toà án quốc tế chỉ định trọng tài .

4) Trong trường hợp nêu ở mục 2 và 3 của Điều này, nếu Chủ tịch Toà án quốc tế bị ngăn cản thực hiện chức năng nêu trên hoặc là công dân của một trong hai Bên ký kết, thì Phó chủ tịch sẽ được mời để chỉ định trọng tài. Nếu Phó chủ tịch bị ngăn cản thực hiện chức năng nêu trên hoặc là công dân của một trong hai Bên ký kết thì thành viên có thâm niên cao nhất của Toà án không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết sẽ được mời để chỉ định trọng tài .

5) Toà án sẽ quyết định trên cơ sở tôn trọng pháp luật. Trước khi Toà án quyết định ,ở bất cứ giai đoạn nào của quá trình xét xử, Toà án có thể đề nghị các Bên ký kết giải quyết tranh chấp bằng hoà giải. Những điều khoản nói trên sẽ không ngăn cản quyền của Toà án giải quyết vụ tranh chấp một cách công bằng và đúng đắn , nếu các Bên đồng ý như vậy..

6) Trừ khi các Bên có quyết định khác, Toà án sẽ qui định thủ tục riêng của mình.

7) Toà án sẽ ra quyết định theo đa số phiếu. Quyết định này là chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên.

ĐIỀU 13

Về phía Vương quốc Hà lan, Hiệp định này sẽ áp dụng đối với phần của Vương quốc Hà lan ở Châu Âu, Vùng Antilles và Aruba của Hà lan, trừ khi đưa ra thông báo nêu tại Điều 14, mục (1) có qui định khác.

ĐIỀU 14

1) Hiệp định này có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày các Bên ký kết thông báo cho nhau bằng văn bản về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của luật pháp của mỗi nước và có hiệu lực trong thời gian 15 năm.

2) Ít nhất 6 tháng trước ngày Hiệp định hết hiệu lực, nếu một trong hai Bên ký kết không có thông báo về việc chấm dứt định thì Hiệp định này sẽ đương nhiên được kéo dài từng giai đoạn 10 năm một: mỗi Bên ký kết được quyền chấm dứt Hiệp định sau khi đã thông báo ít nhất là 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn có hiệu lực hiện hành.

3) Đối với những đầu tư được thực hiện trước ngày kết thúc Hiệp định này, những Điều khoản trên đây tiếp tục có hiệu lực trong thời gian 15 năm kể từ ngày kết thúc.

4) Theo thời hạn nêu tại mục (2) của Điều này, Chính phủ Vương quốc Hà lan có quyền chấm dứt việc áp dụng Hiệp định này một cách riêng rẽ đối với bất cứ phần lãnh thổ nào của Vương quốc.

Để làm bằng ,những người đại diện có tên dưới đây được uỷ quyền ký Hiệp định này.

Làm thành hai bản, tại ..HÀNỘI....ngày .10-.III-.1994. bằng tiếng Việt Nam, tiếng Hà lan và tiếng Anh, văn bản ba thứ tiếng đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự diễn giải khác nhau ,thì sẽ căn cứ vào văn bản tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC HÀ LAN

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Nghị định thư kèm theo Hiệp định giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Vương quốc Hà lan về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau .

Trong việc ký kết Hiệp định giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Vương quốc Hà lan về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau ,đại diện các bên đồng ý các điều khoản sau đây là một phần không tách rời của Hiệp định :

Bổ sung Điều 3 khoản 2 :

Sự an toàn và bảo hộ vật chất nêu tại Điều 3 khoản 2 chỉ có nghĩa là sự bảo hộ của cảnh sát, đơn vị cứu hoả , quân đội và những tổ chức tương tự mà thực hiện sự bảo hộ ngang bằng,tương tự về con người và tài sản cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

Bổ sung Điều 5 :

Trong trường hợp cần có Giấy phép đầu tư để phê chuẩn một sự đầu tư ,việc ban hành một giấy phép như vậy sẽ bảo đảm rằng những bảo đảm nêu trong Điều 5 là hoàn toàn có hiệu lực với đầu tư đó. Khi không cần giấy phép như vậy ,thì Điều 5 cũng sẽ đương nhiên được áp dụng

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC HÀ LAN

Agreement on Encouragement and Reciprocal Protection of Investments between the Socialist Republic of Vietnam and the Kingdom of the Netherlands

The Government of the Socialist Republic of Vietnam

and

the Government of the Kingdom of the Netherlands,

hereinafter referred to as the Contracting Parties,

Desiring to strengthen the traditional ties of friendship between their countries, to extend and intensify the economic relations between them particularly with respect to investments by the nationals of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party,

Recognizing that agreement upon the treatment to be accorded to such investments will stimulate the flow of capital and technology and the economic development of the Contracting Parties and that fair and equitable treatment of investment is desirable,

Have agreed as follows:

Article 1

For the purposes of the present Agreement:

a. the term "investments" shall comprise every kind of asset and more particularly, though not exclusively:

   i. movable and immovable property as well as any other rights in rem in respect of every kind of asset;

   ii. rights derived from shares, bonds and other kinds of interests in companies and joint ventures;

iii. title to money, to other assets or to any performance having an economic value;

iv. rights in the field of intellectual property, technical processes, goodwill and know-how;

v. rights granted under public law, including rights to prospect, explore, extract and win natural resources.

b. the term "nationals" shall comprise with regard to either Contracting Party:

i. natural persons having the nationality of that Contracting Party;

ii. legal persons constituted under the law of that Contracting Party;

iii. legal persons not constituted under the law of that Contracting Party but controlled, directly or indirectly, by natural persons as defined in i. or by legal persons as defined in ii. above.

c. the term "territory" includes the maritime areas adjacent to the coast of the State concerned, to the extent to which that State exercises sovereign rights or jurisdiction in those areas according to international law.

Article 2

Either Contracting Party shall, within the framework of its laws and regulations, promote economic cooperation through the protection in its territory of investments of nationals of the other Contracting Party. Subject to its right to exercise powers conferred by its laws or regulations, each Contracting Party shall admit such investments.

Article 3

1. Each Contracting Party shall ensure fair and equitable treatment of the investments of nationals of the other Contracting Party and shall not impair, by unreasonable or discriminatory measures, the operation, management, maintenance, use, enjoyment or disposal thereof by those nationals.

2. More particularly, each Contracting Party shall accord to such investments full physical security and protection which in any case shall not be less than that accorded either to investments of its own nationals or to investments of nationals of any third State, whichever is more favourable to the national concerned.

3. If a Contracting Party has accorded special advantages to nationals of any third State by virtue of agreements establishing customs unions, economic unions, monetary unions or similar institutions, or on the basis of interim agreements leading to such unions or institutions, that Contracting Party shall not be obliged to accord such advantages to nationals of the other Contracting Party.

4. Each Contracting Party shall observe any obligation it may have entered into with regard to investments of nationals of the other Contracting Party.

5. If the provisions of law of either Contracting Party or obligations under international law existing at present or established hereafter between the Contracting Parties in addition to the present Agreement contain a regulation, whether general or specific, entitling investments by nationals of the other Contracting Party to a treatment more favourable than is provided for by the present Agreement, such regulation shall to the extent that it is more favourable prevail over the present Agreement.

Article 4

With respect to taxes and fiscal deductions and exemptions, each Contracting Party, in accordance with its taxation law and legislation, shall accord to nationals of the other Contracting Party who are engaged in any economic activity in its territory, treatment not less favourable than that accorded to nationals of any third State or to its own nationals that are in the same circumstances. For this purpose, however, there shall not be taken into account any fiscal advantages accorded by that Party:

a. under an agreement for the avoidance of double taxation; or

b. by virtue of its participation in a customs union, economic union or similar institution; or

c. on the basis of reciprocity with a third State.

Article 5

The Contracting Parties shall guarantee that payments relating to an investment may be transferred. The transfers shall be made in a freely convertible currency, without undue restriction or delay. Such transfers include in particular though not exclusively:

a. profits, interest, dividends and other current income;

b. funds necessary

   i. for the acquisition of raw or auxiliary materials, semi-fabricated or finished products, or

   ii. to replace capital assets in order to safeguard the continuity of an investment;

c. additional funds necessary for the development of an investment;

d. funds in repayment of loans;

e. royalties or fees;

f. earnings of natural persons;

g. the proceeds of sale or liquidation of the investment.

Article 6

Neither Contracting Party shall take any measures depriving, directly or indirectly, nationals of the other Contracting Party of their investments unless the following conditions are complied with:

a. the measures are taken in the public interest and under due process of law;

b. the measures are not discriminatory or contrary to any undertaking which the Contracting Party which takes such measures may have given;

c. the measures are taken against just compensation. Such compensation shall represent the genuine value of the investments affected, shall include interest at a normal commercial rate until the date of payment and shall, in order to be effective for the claimants, be paid and made transferable, without undue delay, to the country designated by the claimants concerned and in the currency of the country of which the claimants are nationals or in any freely convertible currency accepted by the claimants.

Article 7

Nationals of the one Contracting Party who suffer losses in respect of their investments in the territory of the other Contracting Party owing to war or other armed conflict, revolution, a state of national emergency, revolt, insurrection or riot shall be accorded by the latter Contracting Party treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, no less favourable than that which that Contracting Party accords to its own nationals or to nationals of any third State, whichever is more favourable to the nationals concerned.

Article 8

If the investments of a national of the one Contracting Party are insured against non-commercial risks under a system established by law, any subrogation of the insurer or re-insurer to the rights of the said national pursuant to the terms of such insurance shall be recognized by the other Contracting Party.

Article 9

1. Disputes between one Contracting Party and a national of the other Contracting Party concerning an investment of the latter in the territory of the former Contracting Party shall, if possible, be settled amicably.

2. If such disputes can not be settled according to the provisions of paragraph 1 of this Article within a period of three months from the date either party to the dispute requested amicable settlement, the dispute shall, at the request of the national concerned, be submitted to an ad hoc arbitration tribunal to be appointed by a special agreement or one established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law.

3. In case both Contracting Parties shall have become contracting states of the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States opened for signature at Washington on 18 March 1965, disputes as defined in paragraph 1. of this Article shall, at the request of the national concerned, be submitted to the International Centre for Settlement of Investment Disputes for arbitration or conciliation under that Convention.

4. Each Contracting Party hereby gives its unconditional consent to the submission of disputes to international arbitration in accordance with the provisions of this Article.

Article 10

The provisions of this Agreement shall, from the date of entry into force thereof, also apply to investments which have been made after 30 april 1975.

Article 11

Either Contracting Party may propose the other Party that consultations be held on any matter concerning the interpretation or application of the Agreement. The other Party shall accord sympathetic consideration to the proposal and shall afford adequate opportunity for such consultations.

Article 12

1. Any dispute between the Contracting Parties concerning the interpretation or application of the present Agreement, which cannot be settled within a reasonable lapse of time, by means of diplomatic negotiations, shall, unless the Parties have otherwise agreed, be submitted, at the request of either Party, to an arbitral tribunal, composed of three members. Each Party shall appoint one arbitrator and the two arbitrators thus appointed shall together appoint a third arbitrator as their chairman who is not a national of either Party.

2. If one of the Parties fails to appoint its arbitrator and has not proceeded to do so within two months after an invitation from the other Party to make such appointment, the latter Party may invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointment.

3. If the two arbitrators are unable to reach agreement, in the two months following their appointment, on the choice of the third arbitrator, either Party may invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointment.

4. If, in the cases provided for in the paragraphs 2. and 3. of this Article, the President of the International Court of Justice is prevented from discharging the said function or is a national of either Contracting Party, the Vice-President shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President is prevented from discharging the said function or is a national of either Party the most senior member of the Court available who is not a national of either Party shall be invited to make the necessary appointments.

5. The tribunal shall decide on the basis of respect for the law. Before the tribunal decides, it may at any stage of the proceedings propose to the Parties that the dispute be settled amicably. The foregoing provisions shall not prejudice the power of the tribunal to decide the dispute ex aequo et bono if the Parties so agree.

6. Unless the Parties decide otherwise, the tribunal shall determine its own procedure.

7. The tribunal shall reach its decision by a majority of votes. Such decision shall be final and binding on the Parties.

Article 13

As regards the Kingdom of the Netherlands, the present Agreement shall apply to the part of the Kingdom in Europe, the Netherlands Antilles and to Aruba, unless the notification provided for in Article 14, paragraph 1. provides otherwise.

Article 14

1 The present Agreement shall enter into force on the first day of the second month following the date on which the Contracting Parties have notified each other in writing that the procedures constitutionally required therefor in their respective countries have been complied with, and shall remain in force for a period of fifteen years.

2. Unless notice of termination has been given by either Contracting Party at least six months before the date of the expiry of its validity, the present Agreement shall be extended tacitly for periods of ten years, each Contracting Party reserving the right to terminate the Agreement upon notice of at least six months before the date of expiry of the current period of validity.

3. In respect of investments made before the date of the termination of the present Agreement the foregoing Articles thereof shall continue to be effective for a further period of fifteen years from that date.

4. Subject to the period mentioned in paragraph 2. of this Article, the Government of the Kingdom of the Netherlands shall be entitled to terminate the application of the present Agreement separately in respect of any of the parts of the Kingdom.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned representatives, duly authorized thereto, have signed the present Agreement.

DONE in duplicate at HANOI on 10 - III - 1994, in the Vietnamese, Netherlands and English languages, the three texts being equally authentic. In case of difference of interpretation the English text will prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam

For the Government of the Kingdom of the Netherlands

PROTOCOL

to the Agreement between the Socialist Republic of Vietnam and the Kingdom of the Netherlands on the encouragement and reciprocal protection of investments.

On the singing of the Agreement between the Socialist Republic of Vietnam and the Kingdom of the Netherlands on the encouragement and reciprocal protection of investments, the undersigned representatives have agreed on the following provisions which constitute an integral part of the Agreement :

Ad Article 3 (2)

The physical security and protection mentioned in Article 3, 2 has the limited meaning of protection by police, fire department, army and similar institutions that should give equal protection to the person and assets of national and foreign investors alike.

Ad Article 5

In cases where an investment licence is required in approval of an investment, issuance of such a licence shall ensure that the guarantee afforded by Article 5 is fully effective in respect of that investment. Where no such licence is required, article 5 shall apply as a matter of course.

For the Government of the
Socialist Republic of Vietnam

For the Government of the
Kingdom of the Netherlands